Sign In

CHÍNH PHỦ
Số: 109/2006/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt

---

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt về kết cấu hạ tầng đường sắt; đường sắt đô thị; kinh doanh đường sắt; quản lý, sử dụng nguồn tài chính cho quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư; miễn, giảm giá vé cho đối tượng chính sách xã hội; danh mục hàng nguy hiểm và việc vận tải hàng nguy hiểm trên đường sắt; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến đường sắt trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Đường sắt chuyên dùng không kết nối với đường sắt quốc gia

Việc áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện giao thông đường sắt, tiêu chuẩn kết cấu hạ tầng đường sắt, quy trình kỹ thuật khai thác đường sắt thực hiện theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 4. Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển đường sắt

1. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển đường sắt; phê duyệt các quy hoạch chi tiết phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt, vận tải đường sắt trong từng giai đoạn và từng khu vực phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển đường sắt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện những việc liên quan đến quy hoạch tổng thể phát triển đường sắt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có quy hoạch đường sắt đi qua có trách nhiệm phối hợp thực hiện quy hoạch phát triển đường sắt, bảo vệ đường sắt.

4. Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt căn cứ vào ngành, nghề kinh doanh của mình, có trách nhiệm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt, cơ sở công nghiệp, dịch vụ và trang thiết bị đường sắt phù hợp với quy hoạch phát triển đường sắt đã được phê duyệt.

Chương II

KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 5. Đất dành cho đường sắt

1. Đất dành cho đường sắt bao gồm đất để xây dựng công trình đường sắt, đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và đất trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt.

2. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý và bảo vệ đất dành cho đường sắt; bảo đảm sử dụng đúng mục đích đã được phê duyệt và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình đường sắt chịu trách nhiệm bảo vệ đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt; phát hiện và xử phạt vi phạm phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Trong hành lang an toàn giao thông đường sắt chỉ được phép để cây thấp dưới 1,5 mét và phải cách mép chân nền đường đắp ít nhất 2 mét, cách mép đỉnh mái đường đào ít nhất 5 mét hoặc cách mép ngoài rãnh thoát nước dọc của đường, rãnh thoát nước đỉnh ít nhất 3 mét.

3. Đất dành cho đường sắt phải được cắm mốc chỉ giới. Việc cắm mốc chỉ giới phạm vi đất dành cho đường sắt được quy định như sau:

a) Đối với đất quy hoạch dành cho đường sắt, việc cắm mốc chỉ giới do Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có quy hoạch đường sắt thực hiện;

b) Đối với đất đã có công trình đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có công trình đường sắt xây dựng phương án cụ thể cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình đường sắt phê duyệt; đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình đường sắt biết để phối hợp bảo vệ.

Trong thời hạn không quá ba tháng, kể từ ngày được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình đường sắt công bố công khai mốc chỉ giới phạm vi bảo

vệ công trình đường sắt, phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt và cắm mốc chỉ giới trên thực địa, bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình đường sắt để quản lý, bảo vệ.

4. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan chức năng về tài nguyên và môi trường cấp huyện nơi có công trình đường sắt rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt để kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định sau đây:

a) Đối với công trình đã có từ trước khi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt được công bố theo quy định của pháp luật:

- Trường hợp sử dụng đất ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt hoặc hoạt động của công trình đường sắt ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sức khỏe của người sử dụng đất thì cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt tiến hành thẩm định mức độ ảnh hưởng, nếu phải thu hồi đất thì đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất đó. Người có đất bị thu hồi được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp sử dụng đất không ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt hoặc hoạt động của công trình đường sắt không ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sức khỏe của người sử dụng đất thì người đang sử dụng đất được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép nhưng phải thực hiện đúng các quy định về bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt;

b) Đối với công trình xây dựng sau khi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt được công bố theo quy định của pháp luật thì giải quyết theo quy định của pháp luật và chủ công trình không được bồi thường, hỗ trợ khi bị thu hồi đất, trừ các công trình được phép xây dựng theo quy định tại Điều 33 của Luật Đường sắt.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có công trình đường sắt trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường sắt; buộc người có hành vi vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt theo quy định.

Trường hợp để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường sắt tại địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm an toàn công trình đường sắt, trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt; công bố mốc, cắm mốc, giao nhận mốc chỉ giới phạm vi đất dành cho đường sắt.

Điều 6. Chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị

Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị được hưởng những chính sách ưu đãi sau đây:

1. Được giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng tuyến đường sắt, bao gồm đất nền đường sắt, cầu, cống, kè, tường chắn, hệ thống thoát nước, hệ thống thông tin, tín hiệu, hệ thống cấp điện, phần đất trong hầm đường sắt, toàn bộ đất để xây dựng ga đường sắt, công trình tác nghiệp đầu máy, toa xe và các công trình phụ trợ khác cần thiết cho việc tổ chức chạy tàu trên tuyến.

2. Được thuê đất với mức ưu đãi nhất đối với đất dùng để xây dựng bãi hàng, cảng cạn container (ICD) và các công trình khác của kết cấu hạ tầng đường sắt nằm ngoài ga đường sắt.

3. Được ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ kinh phí giải phóng mặt bằng đối với đất dành cho đường sắt quy định tại khoản 1 Điều này.

Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc hỗ trợ kinh phí giải phóng mặt bằng đối với đất dành cho đường sắt quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Được miễn, giảm thuế nhập khẩu đối với vật tư, công nghệ, thiết bị kỹ thuật đường sắt mà trong nước chưa sản xuất được theo quy định của pháp luật về thuế.